

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾN GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾN GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN GIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108340386

**3. Ngày thành lập:** 27/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 11 ngõ 279 Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0931216333

Fax:

Email: [distribution.tig@gmail.com](mailto:distribution.tig@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su<br>Chi tiết: - Sản xuất lược cao su, lô cuốn tóc cao su và đồ tương tự;                                 | 2212     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                       | 4632     |
| 3.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                             | 4661     |
| 4.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4723     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh      | 8299     |
| 6.  | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                      | 4724     |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                      | 4662     |
| 8.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                         | 2591     |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất dụng cụ cuốn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược. | 2599     |
| 10. | Sản xuất đồ điện dân dụng<br>Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị gia dụng nhiệt điện như : máy sấy, lược, cuốn tóc bằng điện, ....         | 2750     |
| 11. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm cho con người: lược, bình xịt nước hoa, tóc giả,...            | 3290     |
| 12. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                   | 3311     |
| 13. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                         | 4633     |
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4721     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4791 |
| 16. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;<br>- Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại), bán nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá thuốc lá chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác;                                                                                                                  | 4719 |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4781 |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: - Đại lý;<br>- Môi giới;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610 |
| 19. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4663 |
| 20. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4711 |
| 21. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4722 |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ dao, kéo, dụng cụ cắt gọt, đồ dùng nhà bếp;<br>- Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu. | 4759 |
| 23. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4774 |
| 24. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyên phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ..;<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4799 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 25. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc, máy uốn tóc, máy móc chuyên làm tóc....;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn đồng hồ và đồ trang sức;<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu như: Bán buôn dao, kéo, thiết bị làm tóc,....; | 4649(Chính) |
| 26. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9631        |
| 27. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại hàng hóa Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690        |
| 28. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4641        |
| 29. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2023        |
| 30. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3211        |
| 31. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2431        |
| 32. | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2432        |
| 33. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2592        |
| 34. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2818        |
| 35. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2822        |
| 36. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3314        |
| 37. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4530        |
| 38. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4741        |
| 39. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4742        |
| 40. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4753        |
| 41. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4782        |
| 42. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8230        |
| 43. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4772        |
| 44. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9610        |
| 45. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4773        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 46. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: - Sản xuất sản phẩm nhựa chuyển hoá như: thiết bị đồ gia dụng, lược, lô cuốn tóc, và các đồ khác.                                                                                                                     | 2220 |
| 47. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng<br>Chi tiết: - Sản xuất các chi tiết của dao kéo như: Dao pha và dao bầu, dao cạo và lưỡi dao cạo, kéo và kéo xén tóc                                                                               | 2593 |
| 48. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                | 4771 |
| 49. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; | 4659 |
| 50. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                            | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                  | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHAN THỊ THU THƯƠNG | TT DV Vận tải đường sắt, Tổ 46, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 140.000    | 1.400.000.000         | 70,000    | 034183008103                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                       | Tổng số           | 140.000    | 1.400.000.000         | 70,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN TIẾN HIỆP    | Số 5, Ngõ 142 Nguyễn Hữu Cầu, Khu 11, Phường Ngọc Châu, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 15,000    | 027086000092                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                       | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                                                       |                   |        |             |        |           |  |
|---|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|-------------|--------|-----------|--|
| 3 | TRẦN THỊ NHƯ | Số 5, Ngõ 142 Nguyễn Hữu Cầu, Khu 11, Phường Ngọc Châu, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Tổng số           | 30.000 | 300.000.000 | 15,000 | 142950498 |  |
|   |              |                                                                                                       | Cổ phần phổ thông | 30.000 | 300.000.000 | 15,000 |           |  |
|   |              |                                                                                                       |                   |        |             |        |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN HIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/02/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 027086000092

Ngày cấp: 27/10/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5, Ngõ 142 Nguyễn Hữu Cầu, Khu 11, Phường Ngọc Châu, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 5, Ngõ 142 Nguyễn Hữu Cầu, Khu 11, Phường Ngọc Châu, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội